

NỘI DUNG ÔN TẬP

1. Bản chất của hiện tượng tâm lý người. Từ những hiểu biết về bản chất tâm lý người, ứng dụng vào trong cuộc sống.
2. So sánh
 - 2.1. Nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính. Mối quan hệ giữa chúng
 - 2.2. Tình cảm và nhận thức. Mối quan hệ giữa chúng
 - 2.3. Xúc cảm và tình cảm. Mối quan hệ giữa chúng
3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách: Hoạt động (tự ý thức, rèn luyện); Môi trường sống

Bài soạn

1. Bản chất của hiện tượng tâm lý người:

Trong đời sống hằng ngày, tâm lý thường được sử dụng như là sự hiểu biết về ý muốn, nhu cầu,... của người khác để có cách cư xử, giải quyết tình huống phù hợp, VD: “Chị A rất tâm lý” hay “Anh A là người khéo nói chuyện”,... Cách hiểu như trên là đúng nhưng chưa đầy đủ. Tâm lý rất phức tạp và đa dạng, luôn gắn bó với mọi hoạt động của con người từ đơn giản đến phức tạp. Tâm lý bao gồm hoạt động nhận thức các sự vật, hiện tượng xung quanh như nhìn thấy, nghe thấy, suy nghĩ, phân tích,... ; sự biểu thị thái độ, xúc cảm, tình cảm khi nhận thức sự vật, hiện tượng xung; hoạt động ý chí giúp con người vượt qua những thử thách, khó khăn trong quá trình nhận thức, cải tạo thế giới, bản thân mình; con người không chỉ phản ánh thế giới mà còn phản ánh, tự nhận biết, đánh giá bản thân mình nhờ có hoạt động ý thức. Các loại hiện tượng này kết hợp, hòa quyện vào nhau tạo thành những đặc tính riêng biệt, ổn định ở mỗi người như nhu cầu, lý tưởng, thế giới quan, đạo đức, tính cách,... thường được gọi là bộ mặt nhân cách của con người. Bên cạnh những hiện tượng tâm lý tồn tại cụ thể, gần gũi, lý giải được, còn có những hiện tượng tâm lý rất phức tạp mà con người chưa thể giải thích một cách khoa học, hợp lý như : hiện tượng thần giao cách cảm, hiện tượng báo mộng, hiện tượng linh cảm, trực giác,... Như vậy, tâm lý là toàn bộ đời sống tinh thần của con người, bao gồm: cảm giác, tri giác, trí nhớ, tư duy,

tình cảm, ý chí, nhu cầu, hứng thú, thế giới quan... Có nhiều quan niệm khác nhau về bản chất hiện tượng tâm lý con người:

- Quan niệm duy tâm cho rằng linh hồn con người do thượng đế, trời tạo ra và nhập vào thể xác con người, tâm lý không phụ thuộc vào thế giới khách quan cũng như điều kiện thực thi của cuộc sống. Hiểu tâm lý một cách thần bí, không thể nghiên cứu được.
- Quan niệm duy tâm chủ quan cho rằng tâm lý con người là cái sẵn có.
- Quan niệm duy vật tầm thường cho rằng tâm lý cũng như mọi sự vật, hiện tượng được cấu tạo từ vật chất, do vật chất trực tiếp sinh ra... Đồng nhất tâm lý với sinh lý, phủ nhận tính tích cực của tâm lý, tính chủ thể, bản chất xã hội và tính lịch sử của tâm lý người.
- Quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định: “Tâm lý người là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua chủ thể, tâm lý người có bản chất xã hội và mang tính lịch sử”. Đây là quan niệm khoa học, giải thích một cách rõ ràng và hợp lý về các hiện tượng tâm lý. Bản chất hiện tượng tâm lý người thể hiện qua ba luận điểm sau đây:

Tâm lý là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua chủ thể

- Tâm lý người không phải do thượng đế sinh ra, cũng không phải do não tiết ra như gan tiết ra mật, tâm lý người là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua “lăng kính chủ quan”.
- Phản ánh là quá trình tác động qua lại giữa hai hệ thống, kết quả để lại dấu vết (hình ảnh) tác động cả hai hệ thống tác động và hệ thống chịu tác động.
- Có nhiều hình thức phản ánh, diễn ra từ đơn giản đến phức tạp và có sự chuyển hóa cho nhau: phản ánh cơ học, phản ánh vật lý, hóa học, phản ánh sinh vật đến phản ánh xã hội trong đó có phản ánh tâm lý.

+ Phản ánh cơ học: Viên phấn viết lên Bảng.

+ Phản ánh hóa học: Sự tác động giữa hệ thống khí hidro với hệ thống khí oxi để lại dấu vết chung của hai hệ thống này là nước.

+ Phản ánh vật lý: hoa trước gương.

+ Phản ánh sinh lý: Có thể giới sinh vật nói chung, VD: rễ cây luôn hướng vào lòng đất, hoa hướng dương hướng về phía mặt trời,...

+ Phản ánh xã hội: phản ánh các mối quan hệ trong xã hội mà con người là một thành viên, quan hệ giữa con người với nhau trong xã hội.

– Phản ánh tâm lý là một phản ánh đặc biệt: Đó là sự tác động của hiện thực khách quan vào con người, vào hệ thần kinh, bộ não con người – tổ chức cao nhất của vật chất. Hiện thực khách quan là tất cả những gì tồn tại xung quanh con người, ngoài ý muốn chủ quan của con người (thế giới tự nhiên, thế giới xã hội). Phản ánh hiện thực khách quan của não chính là sự ghi nhận hình ảnh của hiện thực khách quan vào não và hình ảnh đó gọi là hình ảnh tâm lý. Như vậy, tâm lý không phải là cái bẩm sinh, tự có trong não, tâm lý chỉ là hình ảnh của hiện thực khách quan trong não mà thôi và hình ảnh của phản ánh tâm lý khác xa về chất so với hình ảnh phản ánh của các hình thức phản ánh khác chỗ:

Hình ảnh tâm lý mang tính sinh động, sáng tạo: Hình ảnh tâm lý về cuốn sách trong đầu của người biết chữ, khác xa về chất so với hình ảnh vật lý có tính chất “chết cứng”, hình ảnh vật chất của cuốn sách đó trong gương.

Hình ảnh tâm lý mang tính chủ thể, mang đậm màu sắc cá nhân: Hình ảnh tâm lý là hình ảnh chủ quan về thế giới khách quan. Tính chủ thể của hình ảnh tâm lý biểu hiện chỗ: trong khi tạo ra hình ảnh tâm lý về thế giới, chủ thể đã đưa vốn hiểu biết, kinh nghiệm, cái riêng của mình (nhu cầu, xu hướng, tính khí, năng lực)... vào trong hình ảnh đó, làm nó mang đậm màu sắc cá nhân. Tính chủ thể trong phản ánh tâm lý thể hiện chỗ:

+ Cùng một hiện thực khách quan tác động nhưng những con người khác nhau hình ảnh tâm lý khác nhau về mức độ, sắc thái.

+ Cùng một hiện thực khách quan tác động vào một chủ thể nhưng trong những thời điểm, hoàn cảnh, trạng thái cơ thể, trạng thái tâm lý khác nhau có thể cho thấy mức độ biểu hiện và sắc thái khác nhau chính chủ thể ấy.

+ Chính chủ thể mang hình ảnh tâm lý là người cảm nhận, cảm nghiệm và thể hiện nó rõ nhất.

+ Thông qua các mức độ và sắc thái tâm lý khác nhau mà mỗi chủ thể tỏ thái độ, hành vi khác nhau đối với hiện thực.

Tính chủ thể trong phản ánh tâm lý do nhiều yếu tố chi phối như: đặc điểm giải phẫu sinh lý, hoàn cảnh sống, điều kiện giáo dục, vốn sống, lứa tuổi, nền văn hóa, nghề nghiệp,... đặc biệt do mức độ tích cực hoạt động và giao lưu của cá nhân.

Tâm lý là chức năng của não

Mối liên hệ giữa não và tâm lý là vấn đề cơ bản trong việc lý giải cơ sở vật chất, cơ sở tự nhiên của hiện tượng tâm lý người. Không phải cơ quan vật chất nào trong cơ thể cũng có chức năng làm nảy sinh tâm lý. Khoa học đã chứng minh hiện tượng tâm lý đơn giản nhất là cảm giác bắt đầu xuất hiện loài động vật có hệ thần kinh mấu hạch (giun). Và theo dòng tiến hóa sinh vật, những hiện tượng tâm lý càng trở nên phức tạp hơn tương ứng với sự phát triển của hệ thần kinh. Đến con người, bộ não đã phát triển phức tạp và tinh vi nhất thì mới có thể tạo ra tâm lý. Khi có hiện thực khách quan tác động vào não, bộ não nhận tác động của hiện thực khách quan dưới dạng các xung động thần kinh, cùng với những biến đổi lý hóa từng nơron thần kinh, từng xinap, các trung khu thần kinh dưới vỏ và vỏ não làm cho bộ não hoạt động theo các quy luật thần kinh tạo nên hiện tượng tâm lý này hay hiện tượng tâm lý khác. Như vậy, cơ quan vật chất của tâm lý là não, hoạt động của não là cơ chế sinh lý thần kinh của hoạt động tâm lý. Tâm lý là chức năng của não, nhưng tâm lý không là não. Tuy nhiên, không phải cứ có não và vỏ não là có hiện tượng tâm lý. Đó là điều kiện cần, cái quyết định cho con người có động não hay không. Não phải ở trạng thái hoạt động mới có tạo ra hình ảnh tâm lý. Não chỉ qui định hình thức biểu hiện, tốc độ biểu hiện nhanh hay chậm, cường độ mạnh hay yếu của hiện tượng tâm lý, còn nội dung của hình ảnh tâm lý do hiện thực khách quan, kinh nghiệm sống, hoạt động của cá nhân qui định.

Tâm lý người có bản chất xã hội – lịch sử

a. Tâm lý người có bản chất xã hội. Bản chất xã hội của tâm lý người được thể hiện qua nội dung và nguồn gốc xã hội.

- Tâm lý người có nguồn gốc từ hiện thực khách quan, trong đó cuộc sống xã hội là cái quyết định tâm lý con người, thể hiện qua các mối quan hệ kinh tế xã hội, quan hệ đạo đức pháp quyền, quan hệ làng xóm, giữa con người với nhau,... Các mối quan hệ này quyết định bản chất tâm lý. Nếu thoát ly khỏi các mối quan hệ này, con người sẽ mất bản tính người, hoặc rối loạn, hoặc tâm lý phát triển không bình thường.

- Tâm lý người có nội dung xã hội: Tâm lý người là sản phẩm của hoạt động và giao tiếp của con người trong các quan hệ xã hội, vì thế tâm lý người mang đầy dấu ấn xã hội – lịch sử mà trong đó con người là một thành viên sống và hoạt động.

b. Tâm lý người mang tính lịch sử

- Tâm lý của mỗi cá nhân là kết quả của quá trình lĩnh hội, tiếp thu vốn kinh nghiệm xã hội, nền văn hóa xã hội thông qua hoạt động, giao tiếp, trong đó giáo dục giữ vai trò chủ đạo, hoạt động và mối quan hệ giao tiếp của con người trong xã hội có tính quyết định.

- Tâm lý của mỗi người hình thành và phát triển và biến đổi cùng với sự phát triển của lịch sử cá nhân, lịch sử dân tộc và cộng đồng mà người đó là thành viên. Tâm lý của mỗi người bị chế ước bởi lịch sử của cá nhân và cộng đồng. Từ việc phân tích các luận điểm trên, có thể đưa ra kết luận cơ bản như sau:

- Tâm lý có nguồn gốc là hiện thực khách quan, vì thế khi nghiên cứu cũng như hình thành, cải tạo tâm lý người phải nghiên cứu hoàn cảnh trong đó con người sống và hoạt động.

- Tâm lý người mang tính chủ thể, vì thế trong dạy học, giáo dục cũng như trong quan hệ ứng xử phải chú ý nguyên tắc sát đối tượng (chú ý đến đặc điểm riêng của con người).

- Tâm lý người là kết quả của hoạt động và giao tiếp, vì thế phải tổ chức hoạt động, giao tiếp đa dạng và phong phú để phát triển tâm lý học sinh.

- Tâm lý người có tính lịch sử, vì vậy phải có quan điểm lịch sử khi đánh giá tâm lý con người.

2. So sánh:

a. Nhận thức cảm tính và cảm thức lý tính:

- Điểm chung:
 - + Cả hai đều là quá trình tâm lý có mở đầu, có diễn biến và kết thúc
 - + Đều phản ánh hiện thực khách quan để có những hình ảnh về chúng
- Điểm riêng

	Nhận thức cảm tính	Nhận thức lý tính
Về nguồn gốc	Nảy sinh khi có hiện thực khách quan tác động vào các giác quan tới ngưỡng	Nảy sinh khi gặp tình huống có vấn đề
Về nội dung phản ánh	Chỉ phản ánh những thuộc tính bề ngoài, trực quan cụ thể, những mối liên hệ quan hệ không gian và thời gian	Phản ánh những thuộc tính bản chất, những mối quan hệ có tính quy luật
Phương thức phản ánh	Phản ánh trực tiếp bằng các giác quan	Phản ánh khái quát, gián tiếp bằng ngôn ngữ, bằng biểu tượng, bằng khái niệm...
Khả năng phản ánh	Chỉ phản ánh những sự vật hiện tượng cụ thể tác động trực tiếp vào các giác quan	Phản ánh những sự vật hiện tượng không còn tác động, thậm chí chưa tác động
Kết quả phản ánh	Cho ta những hình ảnh trực quan, cụ thể	Cho ta những khái niệm, những phán đoán, những cái chung, cái bản chất về những hình ảnh

		mới
--	--	-----

- **Mối quan hệ:**

Nhận thức cảm tính là cơ sở, nơi cung cấp nguyên liệu cho nhận thức lí tính. Nhận thức lí tính phải dựa trên nhận thức cảm tính, gắn chặt với nhận thức cảm tính, thường bắt đầu từ nhận thức cảm tính. Dù nhận thức lí tính có trừu tượng và khái quát đến đâu thì nội dung của nó cũng chứa đựng những thành phần của nhận thức cảm tính.

Ngược lại, nhận thức lí tính chi phối nhận thức cảm tính là nhận thức cảm tính tinh vi, nhạy bén và chính xác hơn.

b. **Tình cảm và nhận thức:**

- **Điểm chung:** Phản ánh hiện thực khách quan, có bản chất xã hội, mang tính chủ thể.

- **Điểm riêng:**

	Nhận thức	Tình cảm
Nội dung phản ánh	Bản thân sự vật, hiện tượng trong hiện thực khách quan	Mối quan hệ giữa sự vật, hiện tượng với nhu cầu và động cơ của con người.
Phạm vi phản ánh	Tất cả các sự vật hiện tượng tác động vào giác quan	Chỉ những sự vật, hiện tượng có liên quan đến nhu cầu, động cơ
Phương thức phản ánh	Hình ảnh, biểu tượng, khái niệm	Rung cảm thể nghiệm
Tính chủ thể	Thấp	Cao, đậm nét
Quá trình hình thành	Thời gian ngắn, diễn ra nhanh	Lâu dài, phức tạp

- **Mối quan hệ:**

+ Đối với nhận thức, tình cảm là nguồn động lực mạnh mẽ, kích thích con người tìm tòi đến với kết quả nhận thức.

+ Ngược lại, nhận thức là tiền đề, định hướng, điều chỉnh, điều khiển tình cảm đi đúng hướng.

Nhận thức và tình cảm là hai mặt của 1 vấn đề nhân sinh quan thống nhất với nhau.

c. Tình cảm và xúc cảm:

- Giống nhau: Đều là sự biểu thị thái độ của chủ thể đối với các sự vật hiện tượng có liên quan tới nhu cầu và động cơ của chủ thể
- Khác nhau:

Xúc cảm	Tình cảm
Có cả ở người và động vật	Chỉ có ở con người
Có trước	Có sau
Là quá trình tâm lí	Là thuộc tính tâm lí
Có tính nhất thời, biến đổi, phụ thuộc vào tình huống	Có tính ổn định
Luôn ở trạng thái hiện thực	Thường ở trạng thái tiềm tàng
Thực hiện chức năng sinh vật	Thực hiện chức năng xã hội
Gắn liền với phản xạ không điều kiện, bản năng	Gắn liền với phản xạ có điều kiện, với động hình thuộc hệ thống tín hiệu thứ hai

- Mối quan hệ: tình cảm được hình thành từ những xúc cảm đồng loại và được thể hiện qua các xúc cảm, ngược lại tình cảm có ảnh hưởng ngược trở lại, chi phối các xúc cảm của con người

3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của nhân cách:

- Hoạt động:

Hoạt động là sự tác động qua lại giữa con người với thế giới khách quan, hướng tới nhằm biến đổi nó và thỏa mãn nhu cầu của con người. Con đường tác động có mục đích, tự giác của xã hội bằng giáo dục đến con người sẽ không hiệu quả nếu như bản thân mỗi người không tiếp nhận, không hưởng ứng những tác động đó, không trực tiếp tham gia vào các hoạt động nhằm phát triển tâm lí, hình thành nhân cách. Bởi vậy, hoạt động mới là nhân tố quyết định trực tiếp đối

với sự hình thành và phát triển nhân cách của cá nhân. Điều này hoàn toàn phù hợp với quy luật về sự tự thân vận động, về động lực bên trong của sự phát triển nói chung. Hoạt động của cá nhân để thỏa mãn các nhu cầu tự nhiên hay nhu cầu xã hội, vật chất hay tinh thần của đời sống riêng hay đời sống xã hội là những biểu hiện phong phú về tính tích cực của nhân cách. Tâm lí học hiện đại coi hoạt động là quá trình sáng tạo của con người (với tư cách là chủ thể) và là quá trình con người lĩnh hội toàn bộ những cái có trong thực tại xung quanh cần cho cuộc sống của chủ thể. Hai quá trình này trong hoạt động diễn ra đồng thời và thống nhất với nhau, chuyển hóa lẫn nhau, gọi là quá trình đối tượng hóa và quá trình chủ thể hóa. Quá trình đối tượng hóa (khách thể hóa) là quá trình chủ thể của hoạt động chuyển những cái của mình thành sản phẩm của hoạt động. Quá trình chủ thể hóa là quá trình biến những cái từ bên ngoài hiện thực khách quan thành những cái của chủ thể. Thông qua quá trình chủ thể hóa, con người lĩnh hội kinh nghiệm xã hội-lịch sử của bản thân để hình thành nhân cách. Việc đánh giá hoạt động là rất quan trọng trong việc hình thành nhân cách. Việc đánh giá sẽ chuyển thành tự đánh giá, giúp con người thẩm nhận những chuẩn mực xã hội, trở thành lương tâm của con người.

- Môi trường:

Môi trường là hệ thống phức tạp, đa dạng các hoàn cảnh bên ngoài, các điều kiện, tự nhiên và xã hội xung quanh cần thiết cho sinh hoạt và phát triển của môi trường, đó là môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Môi trường tự nhiên bao gồm các điều kiện tự nhiên – sinh thái phục vụ cho học tập, lao động, rèn luyện sức khỏe, vui chơi, nghỉ ngơi của con người. Những điều kiện ấy quy định các dạng, các ngành sản xuất, đặc tính nghề nghiệp... qua đó quy định các giá trị vật chất và tinh thần ở mức độ nhất định. Vì vậy tuy không đóng vai trò chủ đạo nhưng nó cũng góp phần hình thành nên nhân cách của con người. Ví dụ những người sinh ra ở biển thường có xu hướng nghề nghiệp làm ngư dân hoặc các công việc khác có liên quan đến biển.

Môi trường xã hội bao gồm môi trường chính trị, môi trường kinh tế, sản xuất, môi trường sinh hoạt xã hội và môi trường văn hóa.

Trong sự hình thành và phát triển nhân cách của con người, môi trường xã hội có vai trò quan trọng đặc biệt vì nếu không có xã hội loài người thì những tư chất có tính người cũng không phát triển được, vì nhân cách là một sản phẩm của xã hội. Như vậy, sự hình thành và phát triển nhân cách chỉ có thể được thực hiện trong môi trường xã hội loài người. Môi trường đó góp phần tạo nên mục đích, động cơ, phương tiện và điều kiện cho hoạt động giao lưu của cá nhân, mà nhờ đó cá nhân chiếm lĩnh được các kinh nghiệm xã hội loài người để hình thành và phát triển nhân cách của mình. Tuy nhiên, tính chất và mức độ ảnh hưởng của môi trường đối với sự hình thành và phát triển nhân cách còn tùy thuộc vào lập trường, quan điểm, thái độ của cá nhân đối với các ảnh hưởng đó, cũng như tùy thuộc vào xu hướng và năng lực, vào mức độ của cá nhân tham gia cải biến môi trường. Như vậy cần chú ý đến hai mặt tác động qua lại của nhân cách và môi trường: thứ nhất, tính chất tác động của hoàn cảnh đã phản ánh vào nhân cách; thứ hai, sự tham gia của nhân cách tác động đến hoàn cảnh nhằm làm cho hoàn cảnh đó phục vụ cho lợi ích của mình.